

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 30 - 9- 2021

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu

2. Ông Trần Bình Trọng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 về việc Ly hôn, nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm: 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Phố 2, thị trấn N, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Thiệu Sỹ T, sinh năm: 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Phố 2, thị trấn N, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thùy D ngày 6/9/2021 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn do hai bên tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã thị trấn N, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, ngày 01/12/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/1/2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham chơi lô đề, bài bạc không lo làm ăn phụ giúp cho vợ con và gia đình, dẫn đến nợ nần, chị phải đi gặp chủ nợ nhiều lần dẫn đến tinh thần chị sa sút. Sau khi sự việc xảy ra chị và gia đình đã phân tích, khuyên ngăn nhiều nhưng anh T không nghe, không có thiện chí hối lỗi mà còn dùng bạo lực đánh chị 02 lần. Vợ chồng sống ly thân từ

đầu năm 2018 đến nay. Hiện tại chị không có thai nghén gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng nên chị làm đơn xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Thiều Khánh A, sinh ngày 18/12/2015. Hiện nay, con khỏe mạnh bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu Thiều Khánh A. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/9/2021 2021 và quá trình giải quyết, xét xử, bị đơn anh Thiều Sỹ T trình bày như sau:

Về quá trình kết hôn, anh công nhận ý kiến trình bày của chị D là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm. Đến năm 2016 vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, nhưng vợ chồng đã được phân tích khuyên giải và chung sống hòa thuận bình thường. Đến năm 2018 vợ chồng có bàn bạc và N để chị D đi xuất khẩu lao động bên Nhật từ ngày 16/01/2018. Trong thời gian chị D đi Nhật chị D đã cắt đứt liên lạc với anh và chặn Facebook. Đến khoảng đầu tháng 8/2021 thì chị D về nước, từ khi chị D về nước vợ chồng chưa gặp nhau, cũng chưa có cuộc trò chuyện nào. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Anh mong muốn được đoàn tụ. Nếu cô D vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý để pháp luật giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Thiều Khánh A, sinh ngày 18/12/2015. Hiện nay con khỏe mạnh bình thường. Vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cháu Thiều Khánh A. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung. Nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Tại phiên tòa: Chị D và anh T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội D: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu chị D, đề nghị Tòa án xử cho chị Lê Thị Thùy D được ly hôn anh Thiều Sỹ T;

Về con chung: Giao cháu A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung chị D được ngăn cấm. Vì quyền lợi của các con hai bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung (nếu có) theo quy định.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị D và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội D:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, hai bên không có quan điểm chung trong cuộc sống. Anh T là người chồng nhưng không có trách nhiệm xây dựng cuộc sống, lao vào tệ nạn bài bạc làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế gia đình. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay chị D làm đơn xin ly hôn, về phía anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh mong muốn đoàn tụ.

HĐXX xét thấy Chị D và anh T ly thân đã lâu, hai bên không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nguyên vọng của anh T mong muốn đoàn tụ, Tòa án đã tạo điều kiện và đưa ra các biện pháp để níu kéo hạnh phúc nhưng anh không có thiện chí thực hiện. Do vậy yêu cầu đoàn tụ của anh T là không thực chất. Căn cứ tình trạng mâu thuẫn hiện tại của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được HĐXX cho hai bên ly hôn là phù hợp.

Về con chung: Chị D và T có 01 con chung là Thiệu Khánh A, sinh ngày 18/12/2015. Nguyên vọng của chị D và anh T đều xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An.

HĐXX xét thấy: Nguyên vọng xin nuôi con của chị D và anh T chính đáng, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng phải xem xét đến nhiều yếu tố, miễn sao đảm bảo cho con trẻ có được cuộc sống ổn định, có điều kiện để con trẻ phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tâm sinh lý trẻ thơ. Xét

điều kiện nuôi con của hai bên thì thấy: chị D và anh T đều có công ăn việc làm và có thu nhập. Trước khi chị D đi xuất khẩu lao động thì con ở với chị, khi chị đi thì chị giao cho ông bà ngoại nuôi dưỡng. Suốt ba năm nay anh T không đón con về nuôi, cũng không quan tâm cấp dưỡng tiền nuôi con. Điều đó chứng tỏ trách nhiệm làm cha của anh T chưa đầy đủ. Hiện tại cháu A đã có cuộc sống ổn định. Cháu đang còn nhỏ rất cần sự săn sóc từ bàn tay người mẹ. Để đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ khi ly hôn và quyền lợi của con trẻ, đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Khánh A nên giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Sau này con lớn anh T muốn nuôi con sẽ làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Chị D và anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị D khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:*

Về Hôn nhân: Chấp nhận chị Lê Thị Thùy D được ly hôn anh Thiệu Sỹ T.

Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung. Giao cháu Thiệu Khánh A, sinh ngày 18/12/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Thùy D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn) mà chị D đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Theo Biên lai thu số AA/2015/0005543 ngày 25/8/2021. Chấp nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị D và anh T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND TT N, Yên Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng